TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2019/DS-ST Ngày: 03-5-2019 V/v Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị T;

Ông Trần Duy H;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Bảo N là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thị xã N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa***: Bà Trương Ngọc O - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Bạch H, sinh năm 1964 (Có mặt);
Địa chỉ cư trú: Số N, đường D, khóm H, phường An T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phan Thanh T, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

2.2. Bà Võ Thị Kim M, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Dương Bạch H có mặt tại phiên tòa; Ông Phan Thanh T, bà Võ Thị Kim M vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Dương Bạch H trình bày*: Vào ngày 26/12/2013, ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M có đến nhà bà

mượn bà số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng). Đến ngày 26/01/2014, ông T và bà M mượn thêm của bà 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng). Tổng cộng là 190.000.000đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng). Khi mượn tiền hai bên có làm biên nhận (Hợp đồng vay mượn) ngày 26/12/2013 và ngày 26/01/2014, do ông Phan Thanh T và vợ là bà Võ Thị Kim M, mẹ ông T là bà Dương Thị X ký tên, dấu lăn tay là của bà X trong biên nhận nợ là do ông Tùng đưa cho bà X lăn tay để tạo lòng tin cho bà (hiện nay bà X đã chết), ngoài ra bà không có nhận vật gì của ông T, bà M để đảm bảo số tiền bà cho ông T, bà M mượn. Khi cho mượn tiền có thỏa thuận lãi suất miệng (không có ghi vào biên nhận) nhưng T và bà M không có đóng lãi cho bà được đồng nào. Lúc giao tiền vay, ông T và bà M là người trực tiếp nhận tiền, bà X không có nhận tiền, bà X không có liên quan gì đối với số tiền 190.000.000đồng mà ông T và bà M mượn của bà theo biên nhận (Hợp đồng vay mượn) ngày 26/12/2013 và ngày 26/01/2014. Theo bà được biết, ông T và bà M mượn tiền của bà là để mua xe kéo và máy suốt lúa.

Trong thời gian vay tiền, ông T và bà M có trả cho bà được 67.000.000đồng (Sáu mươi bảy triệu đồng), hiện nay ông T và bà M còn thiếu lại 123.000.000đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), khi ông T, bà M trả tiền cho bà không có làm biên nhận.

Nay bà yêu cầu ông Phan Thanh T và vợ là bà Võ Thị Kim M liên đới trả cho bà số tiền còn thiếu là 123.000.000đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Bà chỉ yêu cầu ông T và bà M trả nợ cho bà chứ không yêu cầu bà Dương Thị X trả nợ cho bà trong vụ án này. Hiện nay, ông T, bà M vẫn còn ở địa phương.

Tại phiên tòa, bà Dương Bạch H xác định bà cho ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M mượn tiền chứ không phải cho vay tiền. Khi bà cho ông T, bà M mượn tiền trong nhà có bà Dương Thị X, sinh năm 1931 là mẹ của ông T sống chung trong nhà nên bà kêu bà X lăn tay vào biên nhận với tư cách là người làm chứng cho ông T và bà M mượn tiền của bà chứ số tiền 190.000.000đồng mà ông T, bà M mượn của bà không có liên quan gì đến bà Dương Thị X nên bà không có yêu cầu gì đối với bà Dương Thị X trong vụ án này. Bà H chỉ yêu cầu ông Phan Thanh T, bà Võ Thị Kim M liên đới trả lại cho bà số tiền đã mượn còn thiếu là 123.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M nhiều lần nhưng ông T và bà M vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, ông T và bà M cũng không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật

hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Bạch H. Buộc ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M liên đới trả cho bà Dương Bạch H số tiền 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M nhiều lần nhưng ông T và bà M vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn.

[2] *Về nội dung vụ án*:

- Xét yêu cầu của bà Dương Bạch Huệ yêu cầu ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M liên đới trả cho bà số tiền còn thiếu là 123.000.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

+ Việc bà Dương Bạch H cho ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M vay tiền hai bên có làm biên nhận (Hợp đồng vay mượn). Bà H cung cấp cho Tòa án hai biên nhận (Hợp đồng vay mượn) ngày 26/12/2013 và ngày 26/01/2014, nội dung hai biên nhận trên là ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M có mượn tiền của bà H (Dương Bạch H) tổng cộng số tiền là 190.000.000đ (Một trăm chín mươi ngàn đồng), lý do mượn tiền để sử dụng vào mục đích mua máy, mua xe kéo, phía dưới dòng chữ "Những người nhận tiền trên ký tên" bên phải là chồng có chữ ký tên và chữ ghi họ tên Phan Thanh T, bên trái là vợ có chữ ký và chữ ghi họ tên Võ Thị Kim M và dấu lăn tay (theo bà H thì dấu lăn tay là của mẹ ông T bà Dương Thị X, bà X hiện đã chết).

+ Tại phiên tòa, bà Dương Bạch H xác định thời hạn bà cho ông T và bà M mượn tiền là 03 (ba) tháng, sau ba tháng ông T, bà M không trả tiền cho bà, bà có đến nhà ông T để đòi nợ nhiều lần nhưng ông T, bà M vẫn không trả dứt nợ cho bà. Khi cho mượn tiền hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng, ông T và bà M đóng lãi được 03 (Ba) tháng bằng 14.400.000đ thì ngưng không đóng lãi đến nay. Sau nhiều lần đòi nợ thì ông T, bà M có trả cho bà H được 67.000.000đ, hiện ông T và bà M còn thiếu lại bà Huệ 123.000.000đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng). Đối với bà Dương Thị X, do trong lúc bà cho ông T, bà M mượn tiền thì trong nhà có bà X nên bà kêu bà X lăn tay vào biên nhận nợ với tư cách là người làm chứng để ông T và bà M mượn tiền của bà chứ số tiền 190.000.000đồng mà ông T, bà M mượn của bà không có liên quan gì đến bà Dương Thị X nên bà

không có yêu cầu gì đối với bà Dương Thị X trong vụ án này. Bà H chỉ yêu cầu ông Phan Thanh T, bà Võ Thị Kim M liên đới trả lại cho bà số tiền đã mượn còn thiếu là 123.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

+ Theo hai biên nhận (Hợp đồng vay mượn) ngày 26/12/2013 và ngày 26/01/2014 thì lý do mượn tiền của ông T và bà M là để sử dụng vào mục đích mua máy, mua xe kéo. Tại phiên tòa, bà Huệ xác định lúc vô nhà ông T, bà M đòi tiền thì bà thấy trong nhà ông T có xe kéo nên việc ông T, bà M mượn tiền của bà H là để sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông T và bà M nhiều lần, bà M và ông T có nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công chứng cứ và hòa giải của Tòa án nên xác định là ông T, bà M biết nội dung bà H khởi kiện yêu cầu ông T và bà M trả nợ cho bà H nhưng ông T và bà M vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, ông T và bà M không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền lợi của chính mình. Như vậy, ông Phan Thanh T, bà Võ Thị Kim M đã vi phạm nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự là phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và vi phạm nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc bà Dương Bạch H yêu cầu ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M liên đới trả cho bà số tiền 123.000.000đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng), không yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu của bà Dương Bạch H. Buộc ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M liên đới trả cho bà Dương Bạch H số tiền 123.000.000đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Dương Bạch H được chấp nhận nên ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 288, 499 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Bạch H.

Buộc ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M liên đới trả cho bà Dương Bạch H số tiền 123.000.000đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Phan Thanh T và bà Võ Thị Kim M liên đới chịu 6.150.000đ (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Dương Bạch H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Dương Bạch H được nhận lại 3.075.000đ (Ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02752, ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND thị xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Phương T